

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 10 - 5 - 2024

V/v tranh chấp về ly hôn và chia
tài sản chung của vợ chồng trong
thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Kim Sang;

2. Ông Trần Tuấn Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Mỹ Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2023/QĐ-PT, ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Vương Anh Đ, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Quỳnh A, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- **Người kháng cáo:** ông Vương Anh Đ, là Nguyên đơn;

- **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2023, lời trình bày trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Vương Anh Đ trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Hà t tìm hiểu nhau sau một thời gian rồi được gia đình hai bên đồng ý và về chung sống với nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 27/9/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng khá đầm ấm và hạnh phúc. Vợ chồng ông sinh sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà H nghi ngờ ghen tuông ông có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau, bà H nhiều lần chửi bới ông xúc phạm danh dự nhân phẩm của ông. Bà H thường hay đánh đập ông nhiều lần, từ đó cuộc sống vợ chồng ông không còn hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc tới ai. Vợ chồng ông ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2022 tới nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng ông không có giải pháp hàn gắn gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Vương Thị Mộng T, sinh năm: 1990 và Vương Anh H1, sinh năm: 1996. Khi ly hôn, do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông có tài sản như sau:

1. Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 14.800,5 m², thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Phần đất có diện tích 13.966,8 m², thửa 286, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Phần đất có diện tích 5.488,7 m², thửa số 287, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4. Phần đất có diện tích 6.846,6 m², số thửa không, tờ bản đồ số không, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Phần đất có diện tích 1.326,8 m², thửa 219, và thửa 541, tờ bản đồ 8, diện tích 4.274,4 m² tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

6. Phần đất tranh chấp có diện tích 8.499,9 m², thửa số 354, 364, 369, 370, 371, 382, 383, 384, 385, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

7. Phần đất có diện tích 2.539,4 m², thửa số 344, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

8. Phần đất có diện tích 4.773,5 m², thửa số 372, 388, 582, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

9. Phần đất có diện tích 6.166,4 m², thửa số 351, 352, 353, 368, 381, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

10. Phần đất có diện tích 7.397,7 m², thửa số 395, 396, 406, 407 tờ bản đồ số

6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

11. Phần đất có diện tích 630 m², thửa số 623, tờ bản số 07, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

12. Phần đất có diện tích 2.868,8 m², thửa số 118, tờ bản số 12, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Khi ly hôn, ông yêu cầu chia tài sản ông được hưởng như sau:

- Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 14.800,5 m², thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Phần đất có diện tích 13.966,8 m², thửa 286, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Phần đất có diện tích 5.488,7 m², thửa số 287, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Phần đất có diện tích 1337,2m², thửa 407, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Thửa số 219, tờ bản đồ số 8 diện tích 1326,8 m², tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- 1/2 thửa đất số 238, tờ bản đồ số 8, diện tích 1354 m², tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- 1/2 thửa số 118, tờ bản đồ số 12 diện tích 1434,4 m², tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- 1/2 phần đất thuộc thửa 541, tờ bản đồ 8, diện tích 4274,4 m² tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- 1/2 thửa đất số 540, tờ bản đồ số 12, diện tích 3423,3 m² tọa lạc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả do ông Đ, bà H đứng tên

- Đối với cây trồng trên đất, khi chia cây trồng trên đất của ai thì người đó hưởng.

- Đối với giá trị căn nhà, khi chia nêu ai lấy nhà thì hoàn lại cho người kia 1/2 giá trị.

- Tiền mặt 200.000.000 đồng và tiền vốn trồng mì là 100.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Đ về quan hệ hôn nhân, vợ chồng chung sống với nhau từ trước đến nay rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn nào cả. Do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài khoảng 3-4 năm, bà H phát hiện khoảng 02 năm, khuyên can nhiều lần không được. Bà có thấy tin nhắn điện thoại, ghi âm và bắt gặp ông Đ đi vào nhà trọ, có quay phim. Mặc dù ông Đ là người có lỗi nhưng bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà

xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Vợ chồng bà có 02 con chung tên: Vương Thị Mộng T, sinh năm: 1990 và Vương Anh H1, sinh năm: 1996. Khi ly hôn, do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà thống nhất với ông Đ về tài sản chung của vợ chồng. Bà không đồng ý ly hôn, nên không đồng ý chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 46/2023/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vương Anh Đ đối với bà Nguyễn Thị Thu H. Giữa ông Đ và bà H vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ nên không đặt ra giải quyết.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 02-11-2023, ông Vương Anh Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo hướng sửa bản án sơ thẩm về hôn nhân yêu cầu được ly hôn, về tài sản chung yêu cầu được chia ½ khối tài sản chung, và yêu cầu thẩm định giá lại tài sản và quyết định lại chi phí thẩm định giá.

Ngày 06/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 242/QĐ-VKS-HNGĐ đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về chia tài sản chung của vợ chồng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương Anh Đ vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần tài sản chung vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không có ý kiến gì về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu.

Chị Nguyễn Thị Thu H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Vương Anh Đ và không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: **Về hôn nhân không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ**

nguyên bản án sơ thẩm về hôn nhân; về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ về phần chia tài sản chung của vợ chồng, chấp nhận Kháng nghị số 242 ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung, chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện Bến Cầu giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thời hạn kháng cáo; kháng nghị:* ông Vương Anh Đ kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu kháng nghị trong thời hạn luật định, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến phản bác của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” là chưa chính xác vì nguyên đơn ông Vương A1 Đôn khởi kiện, đóng tiền tạm ứng án phí và thụ lý vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, tài sản chung*”. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26/10/2023 xác định quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” là chưa chính xác, nên Quyết định kháng nghị số 242/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về xác định lại quan hệ tranh chấp là có căn cứ chấp nhận do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Vương Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng với bà H. Bà Nguyễn Thị Thu H không đồng ý ly hôn và chia tài sản chung với ông Đ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Vương Anh Đ thấy rằng:

- *Về kháng cáo xin ly hôn:* Ông Vương Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau từ năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau do ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bản thân ông Đ cũng thừa nhận có quan hệ “*ăn bánh trả tiền*” không phải bồ bịch, nên việc mâu thuẫn giữa ông Đ và bà H chưa đến mức trầm trọng như lời trình bày của ông Đ, đời sống chung của vợ chồng ông Đ vẫn tiếp tục duy trì thể hiện ông Đ, bà H vẫn sống chung một nhà, bà H vẫn lo cơm nước, chăm sóc cho ông, sẵn sàng tha thứ cho ông để cùng nhau chăm lo cho gia đình nên cấp Sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ với bà H là có căn cứ. Ông Đ kháng cáo yêu cầu xin ly hôn với bà H nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên việc kháng cáo của ông Vương A1 Đôn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị

Thu H là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đối với đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thấy rằng.

[4.1] Ngày 16/02/2023 ông Vương Anh Đ có đơn xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đ đóng tiền tạm ứng án phí xin ly hôn và chia tài sản và được Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án về việc xin ly hôn và chia tài sản. Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã đo đạc, định giá tài sản tranh chấp, hòa giải, tuy nhiên Bản án của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu nhận định do không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Đ nên không đặt ra giải quyết là không đúng vi phạm Điều 4 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự; khoản 2 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vi phạm khoản 3 Điều 38 của Luật hôn nhân và gia đình về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4.2] Mặt khác, cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ nhưng lại buộc ông Đ phải chịu 43.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá tài sản là vi phạm Điều 157 quy định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và Điều 165 quy định nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Từ những phân tích nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vương Anh Đ. Do đó, chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

[4.4] Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy một phần Bản án sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về phần chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Đối với kháng cáo của ông Vương A1 Đôn về phần chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu thẩm định giá tài sản và xác định lại chi phí thẩm định giá do hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân nên không xem xét phần kháng cáo này của ông Vương Anh Đ.

[6] Về chi phí tố tụng, án phí chia tài sản chung: Sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí xin ly hôn sơ thẩm và án phí xin ly hôn phúc thẩm: ông Vương Anh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0023069 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp theo Biên

lai thu số 0012006 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vương Anh Đ về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Giữ nguyên bản án số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về việc xin ly hôn giữa ông Đ và bà H.

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vương Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thu H. Giữa ông Đ và bà H vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về chia tài sản chung của vợ chồng.

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh về phần chia tài sản chung của vợ chồng.

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng, án phí chia tài sản chung: Sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí xin ly hôn sơ thẩm và án phí xin ly hôn phúc thẩm: ông Vương Anh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0023069 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0012006 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Bến Cầu;
- CCTHADS huyện Bến Cầu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Nguyễn Văn Nam

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam

